TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NP** **TỈNH NT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 17-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, NT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hường
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N P tham gia phiên tòa*:* Bà Tài Thị Cao Sâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/TLST-HS ngày 17-9-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ ngày 29-10-2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị Chiến – Sinh năm: 1967, tại NT; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P1, xã PV, huyện NP, tỉnh NT; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Năm (chết) và bà Trần Thị Cửu (chết). Chồng: Lê Thanh Phong, sinh năm: 1964; có 05 người con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1996).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Ngọc T (tên gọi khác: Trâm) – Sinh năm: 1994, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P1, xã PV, huyện NP, tỉnh NT; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn Thảo, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thanh (chết). Chồng: Lê Quốc Đạt, sinh năm: 1986; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Thị Yến P (Tên gọi khác: Phương)– Sinh năm: 1988, tại NT; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn P1, xã PV, huyện NP, tỉnh NT; Nghề

nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Khắc Minh, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Lựu, sinh năm 1964. Chồng: Hồ Bảo Hưng, sinh năm: 1984; có 01 người con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1978; trú tại: thôn P2, xã PV, huyện NP, tỉnh NT. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị hại: ông Phạm Minh D, sinh năm 1982; địa chỉ: P1, PV, NP, NT (văn bản ủy quyền ngày 16-11-2020). Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị Bích T– Luật sư Văn phòng Luật sự MNt – Đoàn Luật sư tỉnh NT. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1966; trú tại: P2, PV, NP, NT. Có mặt.

Người làm chứng:

+ Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1996; trú tại: Thôn P2, xã PV, huyện NP, tỉnh NT- Có mặt.

+ Bà Bùi Thị V, sinh năm 1967; trú tại: Thôn N2, xã PS, huyện N P, tỉnh NT- Vắng mặt không lý do.

+ Bà Bùi Thị P, sinh năm 1964; trú tại: Thôn N2, xã PS, huyện NP, tỉnh NT - Vắng mặt không lý do.

+ Anh Huỳnh Hồng Hưng, sinh năm 1991; Thôn P1, xã PV, huyện NP, tỉnh NT - Vắng mặt không lý do.

+ Ông Lê Việt T, sinh năm 1978; Thôn P2, xã PV, huyện NP, tỉnh NT - Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 29-11-2019, Nguyễn Thị C rủ con dâu là Võ Ngọc T và cháu gái tên Bùi Thị Yến P đi đánh ghen bà Nguyễn Thị Huệ do bà Chiến cho rằng bà Huệ có quan hệ bất chính với chồng mình là Lê Thanh P, thì được T và P đồng ý. Đến 10 giờ cùng ngày, C biết bà H đang bán hàng ở chợ Ninh Quý thuộc địa bàn thôn Ninh Quý 2, xã Phước Sơn nên gọi điện báo cho T và P biết đồng thời bảo con trai là Lê Thanh Đ chở đi. Khi đến nơi, thấy bà H đang ngồi bán hàng, T đi vào dùng tay đánh vào mặt bà Huệ, kéo bà H ngã ra phía sau làm cả hai cùng ngã xuống, cùng lúc Phượng và Chiến xông vào dùng tay đánh vào người bà H, P giữ bà H cho C dùng kéo mang theo cắt tóc bà H, sau đó C vứt kéo xuống đất. T tiếp tục giữ bà Huệ cho P cắt tóc, P tiếp tục cắt quần bà H nhưng không thực hiện được do có người ngăn cản. Trong lúc đánh bà H, C hô to cho mọi người chứng kiến biết bà H có quan hệ bất chính với chồng mình.

Tại cơ quan điều tra Bùi Thị C, Võ Ngọc T và Bùi Thị Yến P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 32/CT-VKS - HS, ngày 15-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước đã truy tố các bị cáo Bùi Thị C, Võ Ngọc T, Bùi Thị Yến P về tội *"Làm nhục người khác"* theo khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội*"Làm nhục người khác"*.

Áp dụng: điểm i,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị C, Võ Ngọc T, Bùi Thị Yến P từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, đề nghị xử lý vật chứng và mức bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Thanh Đ chở mẹ là bà Bùi Thị C đi đánh ghen nhưng không bàn bạc trước, không trực tiếp tham gia đánh bà H nên không đồng phạm với các bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại bà H khai Trần Thanh Đ là con bà C có lấy của bà 2.876.000đ và bà còn bị mất một số nữ trang. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa chứng minh được ai chiếm đoạt số tiền và nữ trang của bà H nên cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ thì xử lý bằng một vụ án khác.

* Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, không tranh luận về tội danh; các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung vì những lý do sau: (1). Cần phải làm rõ hành vi đồng phạm của Lê Thanh Đ; (2). Cơ quan Điều tra tách việc bà H bị mất số tiền 2.876.000đ ra để xử lý sau là không đúng và cần phải giải quyết trong vụ án; (3). Chưa đủ căn cứ chứng minh ông P có quan hệ bất chính với bà H nhưng vẫn quy kết cho rằng ông P và bà H có quan hệ bất chính nên cần phải được điều tra làm rõ.

* Đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa có kiến như sau: Về hình phạt đối với các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo; Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc quần bị rách và không có yêu cầu nhận lại tài sản là chiếc quần. Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường một khoản tiền tương đương để bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại mức cao nhất theo quy định của pháp luật; tại phần tranh luận đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu hoãn phiên tòa để tiến hành giám định dấu vết trên thân thể bà H để chứng minh có hay không có quan hệ bất chính giữa bà Huệ và ông P.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Thanh P không có ý kiến tranh luận.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện NP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại hành về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp các chứng cứ khách quan được thu thập có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng nên có đủ cơ sở để xác định: Nguyên nhân từ việc bị cáo C cho rằng bà Nguyễn Thị H có quan hệ bất chính với chồng mình là ông Lê Thanh P, nên C cùng với con dâu là Võ Ngọc T và cháu là Bùi Thị Yến P tìm bà H để đánh ghen. Khoảng 10 giờ ngày 29-11-2019, khi biết bà H đang bán hàng ở chợ Ninh Quý, nên C đã cùng T, P kéo đến đánh, cắt tóc, cắt quần (chưa cắt được quần) và dùng lời lẽ xúc phạm bà Nguyễn Thị H tại chợ Ninh Quý thuộc địa bàn thôn N2, xã PS, huyện NP.

Hành vi của các bị cáo được thực hiện công khai tại khu vực chợ Ninh Quý là nơi tập chung đông người buôn, bán qua lại. Đa phần là người dân tại địa phương nơi bà H sinh sống và làm việc gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bà H đã cấu thành tội Làm nhục người khác quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước là có căn cứ.

[3]. Đối với ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung những vấn đề đã nêu ở phần nhận định của Bản án là không có căn cứ bởi lẽ:

[3.1]. Lê Thanh Đ (con của bị cáo C) là người chở bị cáo C đi, bản thân Đ chỉ biết là chở mẹ đi để gặp bà H nói chuyện có quan hệ bất chính với cha mình. Giữa Đ và các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí từ trước, bởi thực tế Đ đang ở quán sửa xe máy bà C đến bảo Đ chở đi. Khi tới nơi, Đ không tham gia vào hành vi đánh, cắt tóc, cắt quần bà H, cũng không có hành vi nào khác thể hiện sự giúp sức cho các bị cáo thực hiện hành vi làm nhục bà H nên không đồng phạm với các bị cáo như kết luận điều tra và nhận định trong Cáo trạng của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3.2.]. Quá trình giải quyết vụ án bà Huệ khai bị Lê Thanh Đ chiếm đoạt số tiền 2.876.000 đồng. Tuy nhiên cơ quan Điều tra chưa chứng minh được ai là người lấy tiền của bà H Mặt khác, hành vi lợi dụng tình trạng bất khả kháng của bà Huệ nhằm chiếm đoạt tài sản (nếu có) sẽ cấu thành một tội phạm độc lập khác theo quy định của Bộ luật Hình sự, cơ quan Điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ xử lý bằng vụ án khác là phù hợp.

[3.3]. Đối với yêu cầu phải làm rõ xem có hay không có hành vi quan hệ bất chính của bà H đối với ông Phong: Tại Bản kết luận điều tra đã xác định có hành vi quan hệ tình cảm lén lút giữa bà H và ông P nhưng chưa đến mức xử lý hình sự về

tội vi phạm chế độ một vợ một chồng nên cơ quan Điều tra không đề nghị xử lý. Tuy nhiên, việc cơ quan Điều tra chỉ căn cứ vào lời khai của ông P và một số tin nhắn điện thoại khai thác từ dữ liệu điện thoại của ông P, lời khai của chủ nhà nghỉ để kết luận mà không có chứng cứ trực tiếp như: Biên bản sự việc về hành vi quan hệ lén lút giữa bà H và ông P tại nhà nghỉ, dữ liệu hình ảnh, biên bản đối chất giữa bà Huệ và ông Phong, biên bản nhận dạng của chủ nhà nghỉ đối với ông P và bà H. Do đó, kết luận ông P và bà H có quan hệ tình cảm lén lút là chưa đủ cơ sở vững chắc như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là đúng. Tuy nhiên, cần phải đặt vấn đề là dù có hay không có hành vi quan hệ bất chính giữa ông Phong và bà Huệ, cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án là bị cáo C và các đồng phạm đã có hành vi cắt tóc, đánh đập bà H đã cấu thành tội làm nhục người khác như đã phân tích tại mục [2], nên không cần thiết phải điều tra bổ sung để làm rõ vấn đề này.

[4]. Tại phần tranh luận, đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu hoãn phiên tòa để tiến hành giám định dấu vết trên thân thể bị hại làm căn cứ xác định có hay không có hành vi quan hệ bất chính giữa ông P và bà H. Hội đồng xét xử không chấp nhận vì những lý do đã phân tích tại mục [3.3] và không phải là căn cứ để hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 297 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có chung tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Quyết định mức hình phạt chính đối với các bị cáo:

Trong trường hợp này, dù có hay không có hành vi quan hệ bất chính giữa ông Phong và bà H, thay vì báo với chính quyền địa phương để được xử lý theo quy định của pháp luật, các bị cáo lại chọn cách tự xử lý bằng hành vi đánh, cắt tóc, dùng lời lẽ xúc phạm bà H tại nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bà H, gây dư luận xấu và làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo từ 06 đến 09 tháng là phù hợp quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và đều là những người thực hành tích cực. Bị cáo Bùi Thị C có vai trò chủ đạo vì là người khởi xướng, chủ động rủ rê, lôi kéo các đồng phạm khác, đồng thời là người chuẩn bị công cụ phạm tội nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Chiến phải cao hơn so với các đồng phạm khác. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo C, T làm nghề buôn bán đồ ăn sáng; bị cáo P làm công việc nông nghiệp cùng với gia đình. Tính chất công việc là lao động tự do, không có hợp đồng lao động, thu nhập không ổn định nên không xác định được mức thu nhập thực tế hàng tháng. Do đó không áp dụng hình thức khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

[8]. Xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với mẫu tóc được bảo quản trong túi niêm phong có mã số NS2A056129, một mũ bảo hiểm màu đen bị vỡ, một cây kéo có kích thước (195x8,5)cm là vật chứng của vụ án không còn giá trị xử dụng nên áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8.2]. Đối với chiếc quần bằng vải thun màu đỏ được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS2A056115 là tài sản của bà Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nhận lại, qua xem xét thấy chiếc quần đã rách, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8.3]. Đối với vật chứng là 01 túi ni lông màu trắng trong, bị rách một bên, bên trong túi có nhiều mẫu tóc màu đen. Theo lời khai của bà H là túi đựng số tiền 2.876.000đ bị mất, cơ quan Điều tra đang điều tra, xử lý việc bị mất tài sản của bà H và nếu có căn cứ xử lý bằng vụ án khác nên vật chứng này cần tiếp tục được bảo quản và giao cho cơ quan Điều tra Công an huyện NP để phục vụ việc điều tra và sẽ được xử lý trong quá trình điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.4]. Vật chứng là chiếc điện thoại di động hiệu MASTE là điện thoại do ông Lê Thanh Phong chồng của bị cáo Chiến giao nộp, không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, trả lại cho ông P là phù hợp.

[9]. Trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, tuy tố và tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc quần bị rách. Xét đây là sự tự nguyện của bị hại nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất tinh thần mức cao nhất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của bị hại là phù hợp với khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự, tuy nhiên chỉ có căn cứ chấp nhận mức bồi thường là 06 tháng lương cơ sở tương ứng: 1.4900.000đ x 06 tháng = 8.940.000đ là phù hợp và buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Thị C, Võ Ngọc T và Bùi Thị Yến P phạm tội "Làm nhục người khác".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Yến P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ;

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Bùi Thị C, Võ Ngọc T và Bùi Thị Yến P cho Ủy ban nhân dân xã PV, huyện NP nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tóc được bảo quản trong túi niêm phong có mã số NS2A056129; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm có họa tiết bông hoa hồng trắng bị vỡ hoàn toàn, được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS1A056124; 01 (một) cây kéo kích thước (19,5 x 8,5)cm, lưỡi kéo bằng kim loại có dòng chữ STAINLES STEEL, cán kéo làm bằng nhựa màu vàng và đỏ, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3A083423.

+ Giao vật chứng là 01 (một) túi ni lông màu trắng trong bị rách, bên trong túi có nhiều mẫu tóc màu đen, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3A083423 cho cơ quan Điều tra Công an huyện NP bảo quản để phục vụ điều tra tố giác của bà Nguyễn Thị H về việc bị lấy mất số tiền 2.876.000đ. Vật chứng này sẽ được xử lý theo trình tự tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho ông Lê Thanh P 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu MASTE màu đen được niêm phong trong túi niêm phong có mã số NS4A134415.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc quần bằng vải thun màu đỏ được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS2A056115.

Toàn bộ các vật chứng đang được bảo quản tại kho của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện NP theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NP.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị C, Võ Thị Ngọc T, Bùi Thị Yến P phải liên đới bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bà H số tiền 8.940.0000đ chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà H số tiền 2.980.000đ.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Bùi Thị Chiến, Võ Ngọc Trân và Bùi Thị Yến Phương mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17-11-2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NT;
- VKSND tỉnh NT;
- VKSND huyện NP;
- Công an huyện NP;
- Chi cục THADS huyện NP;
- Sở Tư pháp tỉnh NT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng